

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ
lĩnh vực Quản lý nhà nước về quỹ thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nội vụ tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-BNV ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 521/TTr-SNV ngày 12 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý nhà nước về quỹ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh An Giang (Cấp tỉnh: 6 TTHC mới ban hành, 7 TTHC bị bãi bỏ; Cấp xã: 6 TTHC mới ban hành, 7 TTHC bị bãi bỏ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các thủ tục hành chính thứ tự số 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Mục A, Phần I; thủ tục hành chính thứ tự số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Mục A, Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hội, quỹ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: *mac*

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-BTP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHHC tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Viễn thông An Giang;
- Lưu: VT, htbmai.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phong
Nguyễn Thanh Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC VỀ QUỸ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH AN GIANG**
*(Kèm theo Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.014936.H01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	45 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công bất kỳ. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
2	1.014937.H01	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ	45 ngày làm việc		Không	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	1.014938.H01	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	- 45 ngày làm việc (đối với công nhận, sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ); - 45 ngày làm việc (đối với đổi tên quỹ)	- Trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công bất kỳ. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
4	1.014939.H01	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	45 ngày làm việc		Không	
5	1.014940.H01	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	45 ngày làm việc		Không	
6	1.014941.H01	Thủ tục quỹ tự giải thể	30 ngày làm việc		Không	

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.013017.H01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ	Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
2	1.013018.H01	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
3	1.013019.H01	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	
4	1.013020.H01	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
5	1.013021.H01	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	
6	1.013022.H01	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	
7	1.013023.H01	Thủ tục quỹ tự giải thể	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (TRỪ QUỸ CÓ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI GÓP TÀI SẢN ĐỂ THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI CẤP XÃ)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.014942.H01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	45 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công bất kỳ. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
2	1.014943.H01	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ	45 ngày làm việc		Không	
3	1.014944.H01	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	- 45 ngày làm việc (đối với công nhận, sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ); - 45 ngày làm việc (đối với đổi tên quỹ)		Không	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	1.014945.H01	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	45 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công bất kỳ. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
5	1.014946.H01	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	45 ngày làm việc		Không	
6	1.014947.H01	Thủ tục quỹ tự giải thể	30 ngày làm việc		Không	

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.013711.H01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ	Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
2	1.013712.H01	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
3	1.013713.H01	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
4	1.013714.H01	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
5	1.013715.H01	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	
6	1.013716.H01	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	
7	1.013717.H01	Thủ tục quỹ tự giải thể	